

Số: **85** /2022 -TH1-VP

V/v: Công bố thông tin

Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022

Hà Nội, ngày 31 tháng 08 năm 2022

**Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**

1. Công ty: Công ty CP Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam
2. Mã chứng khoán: TH1
3. Trụ sở chính: Số 46 Ngô Quyền, P. Hàng Bài, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội
4. Điện thoại: 024.38264009 Email: gexim@gel.com.vn
5. Người thực hiện công bố thông tin: **Vũ Thị Phương**
Địa chỉ: 75C Tổ 15 Làng Thủ Lệ, Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội.
6. Nội dung thông tin công bố:

BCTC Công ty mẹ:

- Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2022: (109.755.128.991) đồng
- Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2021: (11.463.964.509) đồng

6 tháng đầu năm 2022 Công ty mẹ lỗ hơn so với cùng kỳ năm 2021 một khoản 98.291.164.482 đồng là do:

- Doanh thu tài chính tăng: 76.735.588.183 đồng
- Chi phí tài chính tăng: 31.748.229.621 đồng
- Lợi nhuận gộp tăng 2.176.489.041 đồng, chi phí bán hàng tăng 3.188.852.400 đồng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng: 157.312.870.088 đồng do trích lập dự phòng công nợ phải thu
- Lợi nhuận các hoạt động khác tăng: 15.046.710.403 đồng

BCTC hợp nhất:

- Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2022: (129.997.104.970) đồng
- Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2021: (5.848.041.531) đồng

6 tháng đầu năm 2022 toàn công ty lỗ hơn so với cùng kỳ năm 2021 một khoản 124.149.063.439 đồng là do:

- Doanh thu tài chính tăng: 76.735.628.518 đồng
- Chi phí tài chính tăng: 31.305.068.656 đồng
- Lợi nhuận gộp tăng 2.223.582.860 đồng; chi phí bán hàng tăng 3.092.217.308 đồng; lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết giảm 11.218.171.939 đồng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 157.328.008.418 đồng do trích lập dự phòng công nợ phải thu
- Lợi nhuận các hoạt động khác giảm 164.808.496 đồng

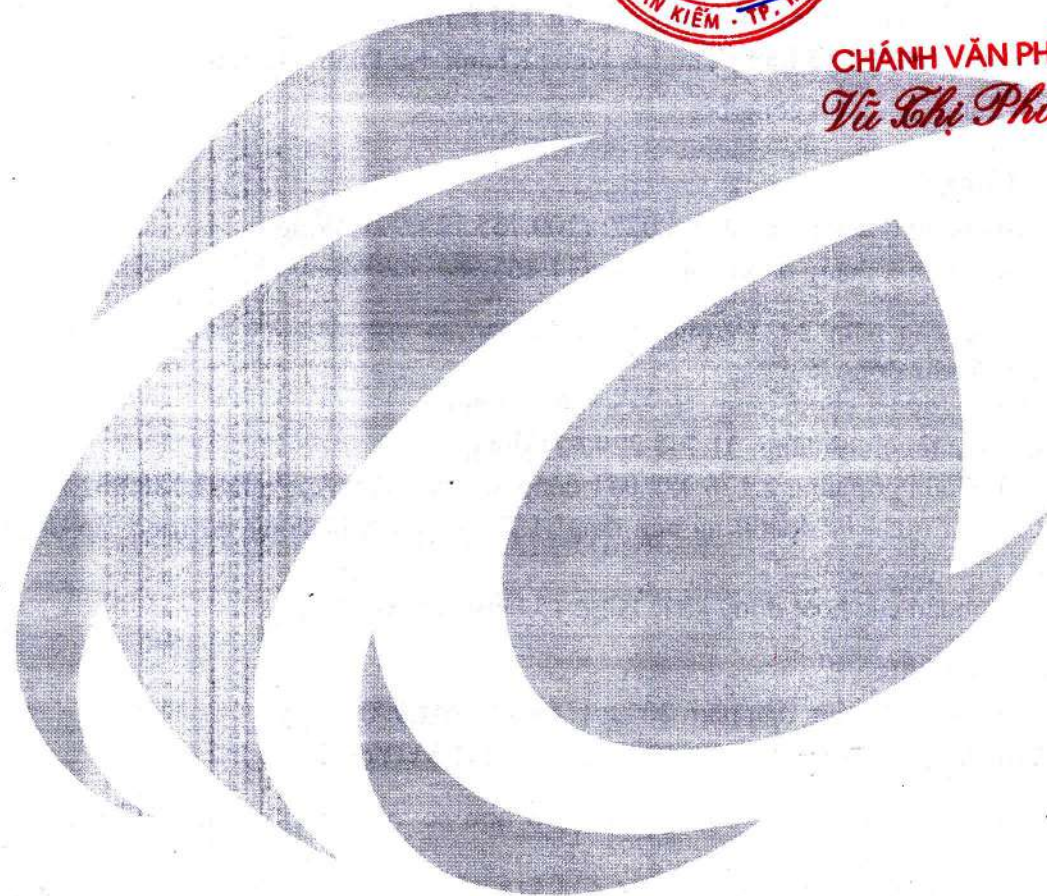
Thông tin này đã được công bố trên website của công ty: <https://gel.com.vn> vào ngày 31/08/2022.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người thực hiện công bố thông tin



CHÁNH VĂN PHÒNG
Vũ Thị Phương





BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY
AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04-05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-41
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-41

2011
CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM
Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05 tháng 02 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Vĩnh Huy	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 21/03/2022
Ông Phương Thừa Vũ	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 21/03/2022
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Ủy viên	
Bà Vũ Thị Phương	Ủy viên	
Ông Lê Tuấn Điệp	Ủy viên	

Bà Nguyễn Thị Thu Hoài - Tổng Giám đốc đã điều hành công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này.

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Chiến	Trưởng ban
Bà Phạm Thị Thảo	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hương	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Tổng Giám đốc 


Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam được lập ngày 29 tháng 08 năm 2022, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

1. Trong 06 tháng đầu năm 2022, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty âm 109,55 tỷ đồng và khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2022 là 240,47 tỷ đồng. Vấn đề này cùng với những các vấn đề được nêu tại Thuyết minh số 1 cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định về hoạt động liên tục.

2. Chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng cần thiết để đánh giá tính phù hợp của giao dịch liên quan đến khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty và ông Trần Minh Hiếu với số tiền 64 tỷ đồng đang được trình bày tại Thuyết minh số 8 - Phải thu khác. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá hết ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến các khoản mục trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty.

3. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 - Phải trả khác, Công ty đang ghi nhận khoản công nợ phải trả đối với bà Vũ Thị Ngọc với số tiền là 34,7 tỷ đồng để thực hiện các thỏa thuận hợp tác đầu tư. Bằng các thủ tục soát xét cần thiết, chúng tôi không thể xác định được phạm vi, nội dung cũng như tiến độ thực hiện của các khoản hợp tác đầu tư này. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá hết ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề này đến các khoản mục trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Tại Báo cáo kiểm toán số 300322.029/BCTC.KT2 ngày 30/03/2022 cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, Kiểm toán viên đã từ chối đưa ra ý kiến về cơ sở giả định hoạt động liên tục và các vấn đề có liên quan đến "Thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm" ngày 23/08/2018 và ngày 28/10/2021 đối với khoản vay giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền ✓

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		206.218.965.904	495.533.368.708
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.619.295.578	2.951.567.830
111	1. Tiền		4.619.295.578	2.951.567.830
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	41.426.894.521	87.692.974.795
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	65.961.066.939
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		-	(4.144)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		41.426.894.521	21.731.912.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		91.426.763.986	365.860.401.306
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	108.008.206.546	152.885.447.984
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	240.712.148.373	239.043.140.459
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	450.000.000	450.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	225.264.745.072	304.866.639.436
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(483.008.336.005)	(331.384.826.573)
140	IV. Hàng tồn kho	10	63.042.987.533	32.611.641.778
141	1. Hàng tồn kho		63.042.987.533	32.611.641.778
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.703.024.286	6.416.782.999
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	643.253.658	258.950.836
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		4.919.640.628	6.017.702.163
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	140.130.000	140.130.000
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		255.042.689.143	235.517.195.621
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		16.339.299.996	9.716.799.996
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7	16.239.299.996	9.616.799.996
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	100.000.000	100.000.000
220	II. Tài sản cố định		5.705.995.610	5.932.568.354
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	2.554.195.610	2.780.768.354
222	- Nguyên giá		13.130.913.509	13.130.913.509
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(10.576.717.899)	(10.350.145.155)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	3.151.800.000	3.151.800.000
228	- Nguyên giá		3.151.800.000	3.151.800.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
230	III. Bất động sản đầu tư	13	114.102.569.639	115.612.141.206
231	- Nguyên giá		145.869.058.887	154.868.938.887
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(31.766.489.248)	(39.256.797.681)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	114.699.454.466	99.952.667.942
251	1. Đầu tư vào công ty con		49.960.000.000	34.752.000.000
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		70.663.895.429	70.663.895.429
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.200.000.000	1.200.000.000
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(7.124.440.963)	(6.663.227.487)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.195.369.432	4.303.018.123
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	4.195.369.432	4.303.018.123
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		461.261.655.047	731.050.564.329

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		517.991.363.402	677.932.313.371
310	I. Nợ ngắn hạn		321.808.947.504	647.549.729.951
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	18.644.418.110	69.089.864.924
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	5.546.625.689	319.434.122
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	158.069.944	176.183.510
314	4. Phải trả người lao động		1.746.320.865	3.239.874.911
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	19	242.319.303.838	177.575.999.613
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	53.050.252.330	396.804.416.143
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		343.956.728	343.956.728
330	II. Nợ dài hạn		196.182.415.898	30.382.583.420
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	9.404.261.215	9.333.481.572
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	10.775.026.904	10.937.301.848
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	176.003.127.779	10.111.800.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		(56.729.708.355)	53.118.250.958
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	(56.729.708.355)	53.118.250.958
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		135.392.670.000	135.392.670.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>135.392.670.000</i>	<i>135.392.670.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		17.147.588.054	17.147.588.054
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.262.420.104	7.262.420.104
415	4. Cổ phiếu quỹ		(981.900)	(981.900)
418	5. Quỹ đầu tư phát triển		23.940.421.305	23.940.421.305
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(240.471.825.918)	(130.623.866.605)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>(130.716.696.927)</i>	<i>(382.964.770.380)</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>(109.755.128.991)</i>	<i>252.340.903.775</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		461.261.655.047	731.050.564.329

Nguyễn Thanh Thúy
Người lập

Mai Thu Hà
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	121.132.726.668	68.586.006.418
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		121.132.726.668	68.586.006.418
11	4. Giá vốn hàng bán	24	109.460.220.653	59.089.989.444
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.672.506.015	9.496.016.974
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	78.309.929.951	1.574.341.768
22	7. Chi phí tài chính	26	48.339.934.965	16.591.705.344
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.614.401.074	16.518.168.490
25	8. Chi phí bán hàng	27	8.887.031.310	5.698.178.910
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	157.567.475.613	254.605.525
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(124.812.005.922)	(11.474.131.037)
31	11. Thu nhập khác	29	15.238.140.649	261.585.819
32	12. Chi phí khác	30	181.263.718	251.419.291
40	13. Lợi nhuận khác		15.056.876.931	10.166.528
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(109.755.128.991)	(11.463.964.509)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(109.755.128.991)	(11.463.964.509)

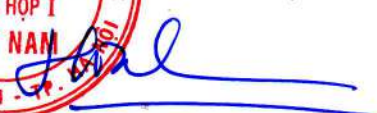


Nguyễn Thanh Thúy
Người lập



Mai Thu Hà
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(109.755.128.991)	(11.463.964.509)
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.736.144.310	1.899.367.710
03	- Các khoản dự phòng		152.084.718.764	(6.191.269.377)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		3.088.347.694	(1.528.761.122)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(25.259.240.161)	(158.281.852)
06	- Chi phí lãi vay		3.614.401.074	16.518.168.490
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		25.509.242.690	(924.740.660)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		124.272.950.404	(285.520.028)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(30.431.345.755)	(10.963.571.017)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		17.246.176.912	1.549.634.366
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(276.654.131)	(364.505.104)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		65.961.066.939	(676.138.404)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(3.031.522.243)	(295.650.813)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		199.249.914.816	(11.960.491.660)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
22	1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	120.181.818
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(58.691.130.521)	(10.127.623.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		32.373.648.000	20.266.593.726
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		9.724.646.395	38.100.034
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(16.592.836.126)	10.297.252.578
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		230.601.328.175	27.203.827.844
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(411.603.795.534)	(1.254.672.444)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(181.002.467.359)	25.949.155.400

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	06 tháng đầu năm	06 tháng đầu năm
			2022	2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		1.654.611.331	24.285.916.318
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.951.567.830	723.838.798
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		13.116.417	15.976.358
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>4.619.295.578</u>	<u>25.025.731.474</u>



Nguyễn Thanh Thúy
Người lập



Mai Thu Hà
Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thu Hoài
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (tiền thân là Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp I - doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Bộ Thương mại) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011968 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 05/05/2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05 tháng 02 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 135.392.670.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2022 là 135.392.670.000 đồng; tương đương 13.539.267 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 140 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 150 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh Xuất nhập khẩu.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn thực phẩm: Kinh doanh tạp phẩm, thủy hải sản, rượu bia, nước giải khát, kinh doanh bánh kẹo, các mặt hàng đường, sữa, sản phẩm từ thịt, thủy sản, rau quả, cà phê...;
- Kinh doanh nông, lâm, thủy hải sản;
- Kinh doanh các sản phẩm dệt may;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh Nhà ở và văn phòng, cho thuê văn phòng, căn hộ, kho, bãi, nhà xưởng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

So với cùng kỳ năm trước, Công ty đã mở rộng hoạt động sản xuất tiêu thành phẩm và đẩy mạnh hoạt động bán hàng hóa dẫn đến doanh thu trong kỳ có sự tăng trưởng mạnh.

Trong 06 tháng đầu năm 2022, lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty âm 109,55 tỷ đồng và khoản lỗ lũy kế trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30/06/2022 là 240,47 tỷ đồng. Tuy nhiên, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng phương hướng hoạt động: tập trung các hoạt động sản xuất kinh doanh truyền thống và kinh doanh thương mại các mặt hàng nông sản là thế mạnh; mở rộng quy mô thị trường, khách hàng và một số ngành hàng mới; chú trọng vào công tác thu hồi công nợ để chủ động nguồn vốn kinh doanh; và kiện toàn bổ sung nhân sự để nâng cao năng suất lao động. Đồng thời, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng đã xây dựng kế hoạch tài chính để có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn. Do vậy, Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 của Công ty vẫn được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Hải Phòng	Quận Hải An, TP Hải Phòng	Dịch vụ xuất nhập khẩu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Quận 4, TP Hồ Chí Minh	Thương mại và dịch vụ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam - Xí nghiệp May xuất khẩu Hải Phòng	Quận Hải An, TP Hải Phòng	Gia công hàng may mặc

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết: Căn cứ vào Báo cáo tài chính cuối năm trước của công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | |
|-----------------------------------|----------------------|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 năm |
| - Máy móc, thiết bị | 05 - 12 năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 06 - 10 năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 10 năm |
| - Quyền sử dụng đất | Không trích khấu hao |

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 45 năm

2.12 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Công ty thực hiện kế toán cho BCC và có nghĩa vụ thay mặt các bên khác thực hiện nghĩa vụ của BCC với Ngân sách Nhà nước, thực hiện quyết toán thuế và phân bổ lại nghĩa vụ này cho các bên khác theo thỏa thuận của BCC. Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC theo thông báo từ BCC.

Theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 giữa Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp I Việt Nam (gọi tắt là TH1) và Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa), cung cấp dịch vụ gia công quần áo và các sản phẩm may mặc khác dành riêng cho Kowa. Hai bên hợp tác điều hành hoạt động của Nhà máy trong việc cung cấp dịch vụ gia công may mặc để đạt được hiệu quả vận hành tối đa của máy móc và nhân lực Nhà máy, đáp ứng các mục tiêu sản xuất. TH1 được hưởng mức phí quản lý là 1% trên tổng doanh thu dịch vụ hàng tháng và được chi trả vào ngày 15 của tháng kế tiếp. TH1 là bên thực hiện kế toán. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên được chi trả toàn bộ cho Kowa.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm.

- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 1 đến 3 năm.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp sau đây:

a) Công ty phải bán ra ngay sau khi mua lại đối với các cổ phiếu sau:

- Cổ phiếu mua lại để sửa lỗi giao dịch hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ;
- Cổ phiếu lẻ mua lại theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu;
- Cổ phiếu lô lẻ mua lại theo yêu cầu của cổ đông.

b) Công ty không được mua lại cổ phiếu quỹ của chính mình cho đến khi hoàn thành việc xử lý cổ phiếu quỹ đã mua từ trước thời điểm Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01/01/2021. Cổ phiếu quỹ Công ty đã mua trước đây được bán hoặc dùng cổ phiếu quỹ làm cổ phiếu thưởng theo quy định tại Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 và các văn bản quy định chi tiết thi hành các văn bản trên.



Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

2.24 . Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản của Công ty. Bên cạnh đó, toàn bộ hoạt động của Công ty được diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Tiền mặt	95.125.502	507.729.119
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.524.170.076	2.443.838.711
	<u><u>4.619.295.578</u></u>	<u><u>2.951.567.830</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM
Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn	41.426.894.521	-	21.731.912.000	-
	41.426.894.521	-	21.731.912.000	-

Chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC có kỳ hạn 6 tháng với lãi suất 6,5% - 7%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

Mã chứng khoán	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam	-	-	1.041.070.428	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	-	-	31.903.449.579	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội	-	-	33.015.519.120	-
Cổ phiếu khác	-	-	1.027.812	-
	-	-	65.961.066.939	-
			73.774.547.500	(4.144)

Giá trị hợp lý của các chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HNX, HOSE và UPCOM tại ngày 31/12/2021.

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	49.960.000.000	-	34.752.000.000	(52.452)
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow (*)	49.960.000.000	-	34.752.000.000	(52.452)
Đầu tư vào Công ty liên kết	70.663.895.429	(5.924.440.963)	70.663.895.429	(5.463.175.035)
- Công ty TNHH Phát triển Đệ Nhất	20.968.895.429	-	20.968.895.429	-
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	20.400.000.000	(5.048.586.559)	20.400.000.000	(5.048.586.559)
- Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	29.295.000.000	(875.854.404)	29.295.000.000	(414.588.476)
Đầu tư vào đơn vị khác	1.200.000.000	(1.200.000.000)	1.200.000.000	(1.200.000.000)
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	1.200.000.000	(1.200.000.000)	1.200.000.000	(1.200.000.000)
	121.823.895.429	(7.124.440.963)	106.615.895.429	(6.663.227.487)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM
Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

4 - CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Tại Nghị Quyết số 16/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021, Hội đồng quản trị của Công ty đã thông qua việc góp vốn bổ sung vào Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow với tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tại ngày 31/12/2021 là 99,89%. Trong kỳ, Công ty đã góp vốn thêm 15.208.000.000 đồng bằng bất động sản đầu tư tại số 7 phố Triệu Việt Vương, phường Bưởi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và tổng số vốn góp của các chủ sở hữu vào công ty con tại ngày 30/06/2022 là 50.000.000.000 đồng. Theo đó, tỷ lệ biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tại ngày 30/06/2022 là 99,92%.

Đầu tư vào Công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow	Hà Nội	99,92%	99,92%	Kinh doanh bất động sản

Đầu tư vào Công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2022 như sau:

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty TNHH Phát triển Dệt Nhất	Hà Nội	40,00%	40,00%	Cho thuê văn phòng
- Công ty Cổ phần Bất động sản Tổng hợp I	Hà Nội	49,60%	49,60%	Kinh doanh bất động sản
- Công ty Cổ phần Sam Nông nghiệp Công nghệ cao	Đắk Nông	27,00%	27,00%	Trồng cây hồ tiêu

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên Công ty
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi

Tên Công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Khoáng sản Mai Linh - Quảng Ngãi	Quảng Ngãi	5,42%	5,42%	Kinh doanh, khai thác khoáng sản

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	(23.932.288.353)	23.932.288.353	(23.932.288.353)
- Công ty CP Thép Việt Thanh	8.158.626.921	(8.158.626.921)	8.158.626.921	(8.158.626.921)
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.275.780.880	(8.275.780.880)	8.275.780.880	(8.275.780.880)
- Công ty CP thực phẩm C.M.T	35.949.721.230	(35.949.721.230)	35.949.721.230	(35.949.721.230)
- Công ty CP Tập đoàn Công nghệ T - Tech Việt Nam	-	-	52.606.831.200	-
- Đối tượng khác	31.691.789.162	(17.617.518.274)	23.962.199.400	(17.617.518.274)
	108.008.206.546	(93.933.935.658)	152.885.447.984	(93.933.935.658)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty CP Khoáng sản Mai Linh	6.010.353.102	(6.010.353.102)	6.010.353.102	(6.010.353.102)
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	(29.787.510.769)	29.787.510.769	(29.787.510.769)
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	(81.832.187.384)	81.832.187.384	(81.832.187.384)
- Công ty TNHH Minh Lâm	4.359.664.601	(4.359.664.601)	4.359.664.601	(4.359.664.601)
- DN tư nhân Trung Thành	48.379.179.373	(48.379.179.373)	48.379.179.373	(48.379.179.373)
- DN tư nhân Phát Đạt	5.238.146.104	(5.238.146.104)	5.238.146.104	(5.238.146.104)
- Công ty TNHH XNK Phước Tiếng	35.635.700.361	(35.635.700.361)	35.635.700.361	(35.635.700.361)
- Đối tượng khác	29.469.406.679	(17.570.888.499)	27.800.398.765	(17.570.888.499)
	240.712.148.373	(228.813.630.193)	239.043.140.459	(228.813.630.193)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Công ty TNHH MTV Nam Nung	450.000.000	(450.000.000)	450.000.000	(450.000.000)
	450.000.000	(450.000.000)	450.000.000	(450.000.000)
b) Dài hạn				
- Công ty CP Sam Nông nghiệp Công nghệ cao (1)	16.239.299.996	-	9.616.799.996	-
	16.239.299.996	-	9.616.799.996	-

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản cho vay dài hạn:

(1) Hợp đồng tín dụng số 02/2021/TH1-SAG/HĐVV ngày 13/10/2021 với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
- + Mục đích vay: Chăm sóc phát triển dự án nông nghiệp tại Đắk Nông;
- + Thời hạn của hợp đồng: 24 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 11%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 16.239.299.996 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
8 . PHẢI THU KHÁC				
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay (1)	152.056.331.253	(151.623.509.432)	151.729.737.486	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	11.644.560	-	19.628.741	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	1.875.855	-	3.335.097	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	1.410.576	-	2.377.960	-
- Tạm ứng	603.843.132	-	578.290.265	-
- Ký cược, ký quỹ	-	-	78.727.600	-
- Phải thu Công ty TNHH Quang Trung	1.548.661.868	(1.548.661.868)	1.548.661.868	(1.548.661.868)
- Phải thu vốn góp theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	2.846.000.000	(2.846.000.000)	2.846.000.000	(2.846.000.000)
- Phải thu Ông Nguyễn Xuân Nam	2.950.000.000	(2.950.000.000)	2.950.000.000	(2.950.000.000)
- Cổ phiếu (EIB) được phong tỏa	-	-	143.778.121.306	-
- Phải thu Ông Trần Minh Hiếu (2)	64.000.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	1.244.977.828	(842.598.854)	1.331.759.113	(842.598.854)
	225.264.745.072	(159.810.770.154)	304.866.639.436	(8.187.260.722)
b) Dài hạn				
- Phải thu Bà Phạm Thị Thùy	100.000.000	-	100.000.000	-
	100.000.000	-	100.000.000	-

(1) Khoản phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay trong đó bao gồm khoản lãi phải thu của hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương Mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam số tiền 151.623.509.432 đồng. Trong năm 2021, Công ty đã thu hồi toàn bộ phần vốn góp theo hợp đồng hợp tác đầu tư này bằng tiền gửi ngân hàng.

(2) Khoản phải thu theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 05/2022/HTĐT ngày 18/05/2022 giữa ông Trần Minh Hiếu và Công ty để thực hiện việc mua chứng khoán, giấy tờ có giá trên cơ sở quy định của pháp luật. Theo điều khoản, hợp đồng có hiệu lực trong vòng 02 năm kể từ thời điểm ký, kết quả đầu tư được phân chia theo nguyên tắc Công ty hưởng 80% và ông Trần Minh Hiếu hưởng 20%. Hợp đồng không quy định về tài sản đảm bảo đối với các bên tham gia.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

9 . NỢ XẤU

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty CP Thép Việt Thanh	8.158.626.921	-	8.158.626.921	-
- Doanh nghiệp tư nhân Trung Thành	48.379.179.373	-	48.379.179.373	-
- Công ty CP Kim loại Việt Nam	23.932.288.353	-	23.932.288.353	-
- Công ty TNHH Thanh Phát	29.787.510.769	-	29.787.510.769	-
- Công ty CP Thực phẩm CMT	35.949.721.230	-	35.949.721.230	-
- Công ty CP Dầu khí và Khoáng sản VITECH	8.275.780.880	-	8.275.780.880	-
- Công ty TNHH Thanh Phát HQ	81.832.187.384	-	81.832.187.384	-
- Công ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Phước Tiếng	35.635.700.361	-	35.635.700.361	-
- Công ty CP Đầu tư và Thương mại Xuất nhập khẩu HFC Việt Nam	151.623.509.432	-	-	-
- Các khoản nợ xấu khác	60.127.509.615	693.678.313	60.127.509.615	693.678.313
	483.702.014.318	693.678.313	332.078.504.886	693.678.313

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	59.946.192.824	-	20.476.622.522	-
Công cụ, dụng cụ	25.121.161	-	28.007.046	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.182.286.835	-	-	-
Thành phẩm	195.793.669	-	2.485.481.116	-
Hàng hoá	1.693.593.044	-	9.621.531.094	-
	63.042.987.533	-	32.611.641.778	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM
Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

11 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND	
Nguyên giá										
Số dư đầu năm	5.112.821.251		5.861.617.562		1.941.106.092		215.368.604		13.130.913.509	
Số dư cuối kỳ	5.112.821.251		5.861.617.562		1.941.106.092		215.368.604		13.130.913.509	
Giá trị hao mòn lũy kế										
Số dư đầu năm	4.998.512.447		4.615.981.648		520.282.456		215.368.604		10.350.145.155	
- Khấu hao trong kỳ	10.134.072		89.313.780		127.124.892		-		226.572.744	
Số dư cuối kỳ	5.008.646.519		4.705.295.428		647.407.348		215.368.604		10.576.717.899	
Giá trị còn lại										
Tại ngày đầu năm	114.308.804		1.245.635.914		1.420.823.636		-		2.780.768.354	
Tại ngày cuối kỳ	104.174.732		1.156.322.134		1.293.698.744		-		2.554.195.610	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 94.040.659 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 8.608.018.905 đồng.

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại 26B Lê Quốc Hùng, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh với nguyên giá là 3.151.800.000 đồng.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư của Công ty là nhà cửa, vật kiến trúc tại Hà Nội, Hải Phòng được sử dụng để cho thuê có tổng nguyên giá là 145.869.058.887 đồng; giá trị hao mòn lũy kế tại thời điểm 30/06/2022 là 31.766.489.248 đồng, khấu hao trong kỳ là 1.509.571.566 đồng. Giá trị còn lại cuối kỳ của bất động sản đầu tư đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay là 112.592.998.073 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	56.276.277	69.410.972
Tiền thuê nhà máy	240.000.000	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	346.977.381	189.539.864
	643.253.658	258.950.836
b) Dài hạn		
Tiền thuê đất trả tiền một lần (*)	3.726.296.532	3.802.343.400
Công cụ dụng cụ xuất dùng	15.318.182	33.038.664
Chi phí thi công sửa chữa	355.403.402	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	98.351.316	467.636.059
	4.195.369.432	4.303.018.123

(*) Tiền thuê đất trả trước một lần có thời hạn 32 năm tại Ấp Tân Mỹ, xã Xuân Bào, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai với diện tích 9.060 m2 được Nhà nước giao đất, công nhận quyền sử dụng đất và không thu tiền sử dụng đất.

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
- Ông Trần Văn Hải	15.936.741.144	15.936.741.144	15.936.741.144	15.936.741.144
- Công ty cổ phần PACIFIC PARTNERS	-	-	52.551.831.200	52.551.831.200
- Phải trả các đối tượng khác	2.707.676.966	2.707.676.966	601.292.580	601.292.580
	18.644.418.110	18.644.418.110	69.089.864.924	69.089.864.924

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Công ty Cổ phần tư vấn giám sát xây dựng Đức Quang	-	209.623.932
- Abido Co.For Trade & Industoy Sal	624.448.080	-
- Công ty TNHH Sản xuất Cao su Liên Anh	3.123.750.000	-
- Công ty TNHH Denso Việt Nam	978.000.000	3.840.000
- Người mua trả tiền trước khác	820.427.609	105.970.190
	5.546.625.689	319.434.122

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	158.941.104		1.254.999.331		1.273.709.584		140.230.851		-		140.230.851
Thuế Thu nhập cá nhân	-	17.242.406		333.203.963		332.607.276		17.839.093		-		17.839.093
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	140.130.000	-		511.375.481		511.375.481		140.130.000		140.130.000		-
Các loại thuế khác	-	-		9.000.000		9.000.000		-		-		-
	140.130.000		176.183.510	2.108.578.775		2.126.692.341		140.130.000		140.130.000		158.069.944

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

18 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN DÀI HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước tiền cho thuê văn phòng	9.404.261.215	9.333.481.572
	9.404.261.215	9.333.481.572

19 . PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	935.860.903	887.066.912
- Bảo hiểm xã hội	15.682.932	-
- Bảo hiểm y tế	2.369.750	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	42.206	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	49.255.000	267.378.311
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.581.850.355	1.581.850.355
- Phải trả lãi vay (1)	95.575.007.120	94.992.128.289
- Bà Vũ Thị Ngọc (2)	34.700.000.000	34.700.000.000
- Khoản đặt cọc của Công ty CP Chế biến XNK Thủy sản Anh Minh (3)	35.700.000.000	35.700.000.000
- Khoản đặt cọc của Công ty CP Bảo hiểm Hùng Vương (4)	64.000.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.759.235.572	9.447.575.746
	242.319.303.838	177.575.999.613
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	775.026.904	937.301.848
- Các khoản phải trả, phải nộp khác (5)	10.000.000.000	10.000.000.000
	10.775.026.904	10.937.301.848

(1) Khoản lãi vay phải trả tương ứng với các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Công ty đã được chi tiết tại Thuyết minh số 20.

(2) Khoản tiền hợp tác đầu tư số 01/HĐHT/HOI-GENERALEXIM ngày 01/12/2021 giữa bà Vũ Thị Ngọc và Công ty để hợp tác đầu tư mua cổ phiếu trên các sàn giao dịch chứng khoán HSX, HNX, OTC hoặc góp vốn vào doanh nghiệp khác.

(3) Khoản tiền đặt cọc theo Thỏa thuận số 01/21/AM-TH1 ngày 19/08/2021 và Phụ lục 01 ngày 18/09/2021 giữa Công ty CP Chế biến XNK Thủy sản Anh Minh và Công ty nhằm thực hiện dự án.

(4) Khoản tiền đặt cọc theo Hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 18052022/HĐCN-TH1-BHV ngày 18/5/2022 giữa Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hùng Vương và Công ty liên quan đến chuyển nhượng Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại số 26B Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh.

(5) Khoản phải trả ứng trước theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐHT/GENERALEXIM-SACOMREAL ngày 26/04/2016 giữa Công ty và Công ty CP Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín về việc hợp tác đầu tư dự án khu căn hộ ở và kết hợp thương mại tại 251/44 đường Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TÓNG HỢP I VIỆT NAM
Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

20 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn bằng VND	187.453.045.414	187.453.045.414	144.540.814.314	331.993.859.728	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (*)	186.572.856.713	186.572.856.713	-	186.572.856.713	-	-
- Công ty Cổ phần Chứng khoán SSI	880.188.701	880.188.701	144.540.814.314	145.421.003.015	-	-
Vay ngắn hạn bằng USD	157.330.178.489	157.330.178.489	80.784.715.807	185.340.641.966	52.774.252.330	52.774.252.330
- Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (*)	20.028.757.079	20.028.757.079	-	20.028.757.079	-	-
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (1)	11.293.415.490	11.293.415.490	40.527.984.881	32.364.564.371	19.456.836.000	19.456.836.000
- Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An	63.645.037.699	63.645.037.699	-	63.645.037.699	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - CN Hà Nội (2)	20.139.299.760	20.139.299.760	40.256.730.926	27.078.614.356	33.317.416.330	33.317.416.330
- Công ty CP Kinh doanh bất động sản VHC	42.223.668.461	42.223.668.461	-	42.223.668.461	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	52.021.192.240	52.021.192.240	138.000.000	51.883.192.240	276.000.000	276.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An (3)	51.745.192.240	51.745.192.240	-	51.745.192.240	-	-
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (5)	276.000.000	276.000.000	138.000.000	138.000.000	276.000.000	276.000.000
	396.804.416.143	396.804.416.143	225.463.530.121	569.217.693.934	53.050.252.330	53.050.252.330

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM
Số 46 Ngõ Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

20 . CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

	01/01/2022		Trong kỳ		30/06/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
b) Vay dài hạn						
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hùng An (3)	51.745.192.240	51.745.192.240	65.022.274.580	-	116.767.466.820	116.767.466.820
- Công ty Cổ phần Sam Holdings (4)	9.616.800.000	9.616.800.000	6.124.500.000	-	15.741.300.000	15.741.300.000
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (5)	771.000.000	771.000.000	-	138.000.000	633.000.000	633.000.000
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản VHC (6)	-	-	43.137.360.959	-	43.137.360.959	43.137.360.959
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	62.132.992.240	62.132.992.240	114.284.135.539	138.000.000	176.279.127.779	176.279.127.779
	(52.021.192.240)	(52.021.192.240)	(138.000.000)	(51.883.192.240)	(276.000.000)	(276.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	10.111.800.000	10.111.800.000			176.003.127.779	176.003.127.779

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (*) Khoản vay đối với Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội (gọi tắt "VAB") theo Hợp đồng tín dụng số 500-19/14/VAB/HĐHMDN ngày 11/09/2014 có số dư nợ gốc là: 186.572.856.713 đồng và 875.574,08 USD (tương đương 20.028.757.079 đồng). Khoản vay này được đảm bảo bằng lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9 m2 đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuê trên 435,9 m2 đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bưởi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Công ty đã sử dụng tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ đối với VAB như sau:
 - Ngày 23/08/2018, Công ty và VAB ký hai (02) thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ của Công ty đối hợp đồng tín dụng nêu trên. Bao gồm: toàn bộ tài sản đã thế chấp tại hợp đồng thế chấp tại sân hình thành trong tương lai gắn liền với đất và lợi thế thương mại số 500-032/14/VAB/TCSTTL ngày 11/09/2014; cổ phiếu và các quyền lợi phát sinh từ 6.000.000 cổ phần tại Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (mã chứng khoán: EIB).
 - Ngày 19/10/2021, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT thông nhất từ chối chước và chuyển quyền sở hữu 6.000.000 cổ phiếu của EIB để trả nợ cho VAB.

20 . CÁC KHOẢN VAY (tiếp theo)

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo):

- Ngày 28/10/2021, VAB và Công ty (bên bảo đảm) đã ký các văn bản:
 - + Thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm. Trong đó quy định, Công ty giao tài sản bảo đảm là cổ phiếu và các quyền lợi phát sinh từ 5.353.631 cổ phiếu EIB sang cho VAB.
 - + Biên bản thanh lý thỏa thuận nhận tài sản bảo đảm để thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm. Trong đó, quy định việc thống nhất chấm dứt và thanh lý Thỏa thuận cán trừ nợ ngày 23/08/2018 về Lợi thế thương mại đối với quyền sử dụng 435,9 m² đất thuê và tài sản hình thành trong tương lai gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu hợp pháp bên thế chấp trên 435,9 m² đất thuê tại số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội).
- Ngày 14/03/2022, Công ty và VAB đã có Biên bản làm việc thống nhất thực hiện các thủ tục bán số cổ phiếu EIB được phong tỏa để cán trừ thu hồi nợ. Sau khi, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng và chuyển toàn bộ số tiền thu được cho VAB, khoản chênh lệch giữa giá gốc của 11.353.631 cổ phiếu EIB và dư nợ gốc vay của VAB được Công ty ghi nhận vào Doanh thu hoạt động tài chính (Chi tiết tại Thuyết minh số 25).
- Theo xác nhận số dư tại ngày 30/06/2022 của Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội, số dư nợ gốc và nợ lãi quy đổi của Công ty với Ngân hàng là 0 đồng.

(1) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1001-LAV-210063143 ngày 23/08/2021, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Thời hạn duy trì hạn mức: từ ngày Hợp đồng này có hiệu lực đến hết ngày 22/08/2022;
- Thời hạn cho vay: không quá 06 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 832.200 USD (tương đương 19.456.836.000 đồng);
- Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo giữa Công ty và Ngân hàng.

(2) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 11092021-849519-01-SME ngày 20/09/2021, với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng;
- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh xuất khẩu hàng nông sản, lâm sản;
- Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng tính từ ngày 20/09/2021;
- Thời hạn cho vay: không quá 06 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
- Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
- Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 1.423.213 USD (tương đương 33.317.416.330 đồng);
- Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng tín dụng được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo giữa Công ty và Ngân hàng.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

- (3) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 30/06/2022 là các khoản nợ vay được Công ty Cổ phần đầu tư Hùng An mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Lãi suất cho vay: không tính lãi từ thời điểm chuyển giao khoản nợ vay của các ngân hàng;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 116.767.466.820 VND (bao gồm: 2.782.296,73 USD và 51.745.192.240 VND), nợ lãi là 74.543.182.621 VND (bao gồm: 2.531.465,41 USD và 16.635.911.367 VND). Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/03/2022, từ năm 2023 lịch trình trả nợ tiếp theo sẽ được hai bên tiếp tục đàm phán trong thời gian tới.
- (4) Vay dài hạn của Công ty Cổ phần Sam Holdings theo Hợp đồng vay vốn số 01/2021/SAM-TH1/HĐVV ngày 13/10/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức vay: 30.000.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: đầu tư hợp tác với Công ty Cổ phần SAM nông nghiệp công nghệ cao (SAG) thực hiện phát triển dự án nông nghiệp tại Đắk Nông;
 - + Thời hạn cho vay: 24 tháng;
 - + Lãi suất cho vay: 11%/năm (chưa bao gồm thuế GTGT);
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 15.741.300.000 đồng.
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Không có tài sản đảm bảo.
- (5) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội theo Hợp đồng tín dụng số 1001-LAV-210066735 ngày 23/08/2021, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 970.000.000 đồng;
 - + Mục đích vay: đầu tư mua mới 01 xe ô tô con theo hợp đồng mua bán ký với Công ty TNHH TOYOTA Long Biên;
 - + Thời hạn cho vay : 36 tháng và được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 633.000.000 đồng. Nợ dài hạn đến hạn trả là 276.000.000 đồng;
 - + Hình thức bảo đảm tiền vay: hợp đồng tín dụng được đảm bảo bởi hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải giữa Công ty và Ngân hàng.
- (6) Số dư nợ vay tại thời điểm ngày 30/06/2022 là các khoản nợ vay được Công ty CP Kinh doanh Bất động sản VHC mua lại theo các hợp đồng mua bán nợ với các ngân hàng, với các điều khoản sau:
- + Lãi suất cho vay: không tính lãi từ thời điểm chuyển giao khoản nợ vay của các ngân hàng;
 - + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 43.137.360.959 đồng (tương đương 1.845.843,43 USD), nợ lãi là 19.416.048.646 đồng (bao gồm: 803.866,75 USD và 1.027.616.740 VND). Theo Biên bản thỏa thuận ngày 31/03/2022, từ năm 2023 lịch trình trả nợ tiếp theo sẽ được hai bên tiếp tục đàm phán trong thời gian tới.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM
Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(380.998.838.064)	(197.256.720.501)
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(11.463.964.509)	(11.463.964.509)
Phân phối lợi nhuận cho Kowa từ lợi nhuận năm 2020	-	-	-	-	-	(1.965.932.316)	(1.965.932.316)
Số dư cuối kỳ trước	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(394.428.734.889)	(210.686.617.326)
Số dư đầu năm nay	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(130.623.866.605)	53.118.250.958
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	(109.755.128.991)	(109.755.128.991)
Phân phối lợi nhuận cho Kowa từ lợi nhuận năm 2021 (*)	-	-	-	-	-	(92.830.322)	(92.830.322)
Số dư cuối kỳ này	135.392.670.000	17.147.588.054	7.262.420.104	(981.900)	23.940.421.305	(240.471.825.918)	(56.729.708.355)

(*) Khoản lợi nhuận phải trả Công ty TNHH Kowa (gọi tắt là Kowa) theo hợp đồng hợp tác kinh doanh ngày 01/07/2017 (Thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 2.13).

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAM

Số 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Ông Đinh Đức Tùng	20,73%	28.065.210.000	20,73%	28.065.210.000
Ông Nguyễn Văn Nguyên	19,91%	26.961.230.000	19,91%	26.961.230.000
Ông Nguyễn Vĩnh Huy	15,88%	21.500.000.000	15,88%	21.500.000.000
Các cổ đông khác	43,48%	58.865.820.000	43,48%	58.865.820.000
Cổ phiếu quỹ	0,00%	410.000	0,00%	410.000
	100%	135.392.670.000	100%	135.392.670.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	06 tháng đầu năm 2022 VND	06 tháng đầu năm 2021 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.392.670.000	135.392.670.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<u>135.392.670.000</u>	<u>135.392.670.000</u>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<u>135.392.670.000</u>	<u>135.392.670.000</u>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	<u>1.581.850.355</u>	<u>1.581.850.355</u>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<u>1.581.850.355</u>	<u>1.581.850.355</u>

d) Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	13.539.267	13.539.267
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	13.539.267	13.539.267
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>13.539.267</u>	<u>13.539.267</u>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	41	41
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>41</u>	<u>41</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.539.226	13.539.226
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<u>13.539.226</u>	<u>13.539.226</u>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Quỹ đầu tư phát triển	23.940.421.305	23.940.421.305
	23.940.421.305	23.940.421.305

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**a) Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại:

- Phường Đông Hải 1, Quận Hải An, thành phố Hải Phòng để sử dụng với mục đích làm kho bãi chứa hàng, với thời hạn thuê đến ngày 20/09/2056, diện tích khu đất thuê là 20.462,4 m²;- Số 7 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội để sử dụng với mục đích làm văn phòng và kinh doanh khách sạn, với thời hạn thuê 50 năm kể từ ngày 06/12/2005, diện tích đất thuê là 435,9 m²;- Số 251/4 Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh để sử dụng với mục đích làm kho hàng hóa với thời hạn thuê đất ngắn hạn hàng năm kể từ ngày 05/05/2006 cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, hợp đồng này đương nhiên được gia hạn trong từng năm kế tiếp nếu Nhà nước không có quyết định điều chỉnh, thu hồi đất, diện tích đất thuê là 3.030,3 m²;- Xã Đình Xuyên, huyện Gia Lâm, Hà Nội để sử dụng với mục đích xây dựng Xí nghiệp chế biến quế và nông lâm sản xuất khẩu với diện tích đất thuê là 5.065 m².

Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

b) Ngoại tệ các loại

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	45.000,80	6.112,41
- Đồng Euro (EUR)	0,99	0,99

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>30/06/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
Nợ khó đòi đã xử lý	4.388.995.512	4.388.995.512

23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>06 tháng đầu năm 2022</u>	<u>06 tháng đầu năm 2021</u>
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	50.736.670.903	36.109.789.111
Doanh thu bán thành phẩm	35.346.634.701	-
Doanh thu hàng gia công	26.190.948.272	22.119.763.708
Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.858.472.792	10.356.453.599
	<u><u>121.132.726.668</u></u>	<u><u>68.586.006.418</u></u>

24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<u>06 tháng đầu năm 2022</u>	<u>06 tháng đầu năm 2021</u>
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	48.370.313.198	35.216.081.711
Giá vốn của thành phẩm đã bán	34.207.985.416	-
Giá vốn của hàng gia công	25.323.472.078	21.306.370.624
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.558.449.961	2.567.537.109
	<u><u>109.460.220.653</u></u>	<u><u>59.089.989.444</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	935.240.162	38.100.034
Lãi bán chứng khoán kinh doanh	4.999.861.889	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	9.116.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	281.154.263	7.480.612
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	1.528.761.122
Doanh thu hoạt động tài chính khác (*)	62.977.673.637	-
	<u>78.309.929.951</u>	<u>1.574.341.768</u>

(*) Doanh thu hoạt động tài chính khác trong đó bao gồm khoản chênh lệch giữa giá gốc của 11.353.631 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam (mã chứng khoán EIB) và dư nợ gốc vay của Ngân hàng TMCP Việt Á - Chi nhánh Hà Nội, sau khi Công ty thực hiện các thủ tục bán số cổ phiếu EIB được phong tỏa để cản trừ thu hồi nợ.

26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.614.401.074	16.518.168.490
Lỗ do bán chứng khoán	41.124.402.832	194.500
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	51.574.033	58.131.426
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	3.088.347.694	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	461.209.332	15.210.928
	<u>48.339.934.965</u>	<u>16.591.705.344</u>

27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.650.182	3.350.000
Chi phí nhân công	2.415.282.704	1.363.933.310
Chi phí khấu hao tài sản cố định	125.153.262	138.068.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.198.303.801	4.159.812.710
Chi phí khác bằng tiền	138.641.361	33.014.412
	<u>8.887.031.310</u>	<u>5.698.178.910</u>

28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	357.643.058	7.615.161
Chi phí nhân công	3.331.939.345	4.726.881.833
Chi phí khấu hao tài sản cố định	101.419.482	20.740.692
Thuế, phí, lệ phí	1.146.436.313	309.207.738
Chi phí dự phòng/ hoàn nhập dự phòng	151.623.509.432	(6.206.480.305)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	772.009.661	989.697.509
Chi phí khác bằng tiền	234.518.322	406.942.897
	<u>157.567.475.613</u>	<u>254.605.525</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022**29 . THU NHẬP KHÁC**

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	120.181.818
Tiền phạt thu được	12.000.000	-
Thu nhập từ tiền đặt cọc khách hàng	-	140.498.320
Giá trị tài sản đem góp vốn vào công ty con (1)	15.208.000.000	-
Thu nhập khác	18.140.649	905.681
	15.238.140.649	261.585.819

(1) Giá trị tài sản đem góp vốn vào Công ty CP Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow (Công ty con) được định giá bởi Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá BTC theo Chứng thư Thẩm định giá số 2115073/CT-BTC ngày 22 tháng 11 năm 2021.

30 . CHI PHÍ KHÁC

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	60.000.000	14.539.638
Chi phí khác	121.263.718	236.879.653
	181.263.718	251.419.291

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(109.755.128.991)	(11.463.964.509)
Các khoản điều chỉnh tăng	181.263.718	231.509.291
- Chi phí không hợp lệ	181.263.718	231.509.291
Các khoản điều chỉnh giảm	(9.167.283.631)	(48.318.525)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(9.116.000.000)	-
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(51.283.631)	(48.318.525)
Thu nhập chịu thuế TNDN	(118.741.148.904)	(11.280.773.743)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	06 tháng đầu năm 2022	06 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	52.291.108.949	2.562.173.632
Chi phí nhân công	13.656.980.257	15.075.024.470
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.736.144.310	1.899.367.710
Chi phí dự phòng	151.623.509.432	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.923.009.515	14.469.329.409
Chi phí khác bằng tiền	206.261.303	2.027.749.524
	226.437.013.766	36.033.644.745

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.619.295.578	-	2.951.567.830	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	333.372.951.618	(253.744.705.812)	457.852.087.420	(102.121.196.380)
Các khoản cho vay	16.689.299.996	-	10.066.799.996	-
Chứng khoán kinh doanh	-	-	65.961.066.939	(4.144)
Chứng chỉ tiền gửi	41.426.894.521	-	21.731.912.000	-
	396.108.441.713	(253.744.705.812)	558.563.434.185	(102.121.200.524)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	229.053.380.109	406.916.216.143
Phải trả người bán, phải trả khác	271.738.748.852	257.603.166.385
	500.792.128.961	664.519.382.528

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2022				
Đầu tư ngắn hạn	-	-	-	-
	-	-	-	-
Tại ngày 01/01/2022				
Đầu tư ngắn hạn	65.961.062.795	-	-	65.961.062.795
	65.961.062.795	-	-	65.961.062.795

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Tiền	4.619.295.578	-	-	4.619.295.578
Phải thu khách hàng, phải thu khác	79.528.245.806	100.000.000	-	79.628.245.806
Các khoản cho vay	16.689.299.996	-	-	16.689.299.996
Chứng chỉ tiền gửi	41.426.894.521	-	-	41.426.894.521
	142.263.735.901	100.000.000	-	142.363.735.901
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền	2.951.567.830	-	-	2.951.567.830
Phải thu khách hàng, phải thu khác	355.630.891.040	100.000.000	-	355.730.891.040
Các khoản cho vay	10.066.799.996	-	-	10.066.799.996
Chứng chỉ tiền gửi	21.731.912.000	-	-	21.731.912.000
	390.381.170.866	100.000.000	-	390.481.170.866

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Vay và nợ	53.050.252.330	176.003.127.779	-	229.053.380.109
Phải trả người bán, phải trả khác	260.963.721.948	10.775.026.904	-	271.738.748.852
	314.013.974.278	186.778.154.683	-	500.792.128.961

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU TỔNG HỢP I VIỆT NAMSố 46 Ngô Quyền, Phường Hàng Bài,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Tại ngày 01/01/2022

Vay và nợ	396.804.416.143	10.111.800.000	-	406.916.216.143
Phải trả người bán, phải trả khác	246.665.864.537	10.937.301.848	-	257.603.166.385
	<u>643.470.280.680</u>	<u>21.049.101.848</u>	<u>-</u>	<u>664.519.382.528</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . THÔNG TIN KHÁC

Theo Nghị Quyết số 16/NQ-HĐQT ngày 24/11/2021 của Hội đồng Quản trị, trong kỳ Công ty đã góp vốn bổ sung vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh dịch vụ Rainbow bằng toàn bộ tài sản gắn liền với đất thuê trả tiền hàng năm tại số 7 phố Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân (nay là phường Nguyễn Du), quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Căn cứ theo Chứng thư Thẩm định giá số 2115073/CT-BTC ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá BTC, giá trị tài sản thẩm định giá là 15.208.000.000 đồng. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2022, Công ty chưa hoàn tất các thủ tục pháp lý liên quan đến việc chuyển quyền sở hữu tài sản cũng như chuyển giao Hợp đồng thuê đất tại địa chỉ nêu trên.

35 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

36 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán và soát xét.

		
Nguyễn Thanh Thúy	Mai Thu Hà	Nguyễn Thị Thu Hoài
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2022		



HÃNG KIỂM TOÁN AASC

AASC TẠI HÀ NỘI - TRỤ SỞ CHÍNH

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973

E: aasc@aasc.com.vn

A: Số 1 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam

AASC TẠI TP HỒ CHÍ MINH

T: (84) 28 3945 0505 - (84) 28 3945 0606 | F: (84) 28 3945 1106

E: aaschcm@aasc.com.vn

A: Tầng 3, Tòa nhà Galaxy 9, số 9 Nguyễn Khoái, Phường 1, Quận 4, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam

AASC TẠI QUẢNG NINH

T: (84) 203 3627 571 | F: (84) 203 3627 572

E: aascqn@aasc.com.vn

A: Số 8 Chu Văn An, Hạ Long, Quảng Ninh, Việt Nam